

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Giao thông vận tải Đắk Nông

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được Ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông Vận tải Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính Phủ; cho các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Nông gồm Văn Phòng Sở, Thanh tra Sở với tổng số tiền là 343.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn) (chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Chánh Thanh tra sở và các đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài Chính(b/c);
- Kho bạc NN tỉnh;
- GD, Phó GD Sở;
- Công khai Trang TTĐT sở;
- Lưu VT, KH-TC(TNg).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Nhân Bản



**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM CHI NGÂN SÁCH
ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 616 /QĐ-SGTVT, ngày 21 /12/2023 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		Giảm Tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị Quyết 119/NQ-CP ngày 06/8/2024	số dự toán còn lại	Ghi chú
				Sở GTVT	Thanh tra Sở			
A	B	1	2	3	4	5		
B	DỰ TOÁN CHI	56.470	56.470	52.309	4.161	343	56.127	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	56.470	56.470	52.309	4.161	343	56.127	
1	Quản lý hành chính (Loại 340- Khoản 341)	12.571	12.571	9.024	3.547	46	12.525	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.668	8.668	5.397	3.271	46	8.622	
-	Quỹ lương và chi khác theo quy định	8.668	8.668	5.397	3.271	46	8.622	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.303	3.903	3.627	276	-	3.903	
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ.	440	440	264	176		440	
-	Kinh phí thực hiện cấp mới, cấp lại, cấp đổi GPLX	1.721	1.721	1.721			1.721	
-	Kinh phí may trang phục thanh tra	90	90		90		90	
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18	18			18	
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	34	34	24	10		34	
-	Mua 01 xe 07 chỗ ngồi (đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có)).	1.600	1.600	1.600				
2	Sự nghiệp Kinh tế (Loại 280 - Khoản 338)	43.859	43.859	43.259	600	297	43.562	
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	43.859	43.859	43.259	600		43.859	
2.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	43.859	43.859	43.259	600	297	43.562	
2.2.1	Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo TT ATGT	1.400	1.400	800	600	56	1.344	
-	Chi bồi dưỡng, làm thêm giờ trực tiếp phục vụ công tác đảm bảo TT ATGT	250	250		250		250	
-	Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm TT ATGT(tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn nhiệm vụ, nghiệp vụ về công tác bảo đảm TT ATGT; kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm TT ATGT; chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo TT ATGT; chi xăng dầu;...	350	350		350	18	332	
-	Chi xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường bộ đang khai thác, đảm bảo không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác (làm pano, bảng hiệu, bảng điểm cảnh báo nguy hiểm, rào chắn và các chi phí có liên quan).	800	800	800		38	762	
2.2.2	Thực hiện công tác quản lý, bảo trì sửa chữa các tuyến Tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	42.459	42.459	42.459	-	241	42.218	

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		Giảm Tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị Quyết 119/NQ-CP ngày 06/8/2024	Số dự toán còn lại	Ghi chú
				Sở GTVT	Thanh tra Sở			
A	B	1	2	3	4	5		
-	Sửa chữa móng, mặt đường, gia cố lề đường, hệ thống thoát nước và ATGT Tỉnh lộ 4B đoạn Km11 + 00 -:- Km15 + 00	24	24	24			24	
-	Sửa chữa móng, mặt đường, gia cố lề đường, hệ thống thoát nước và ATGT Tỉnh lộ 6 các đoạn Km 17 + 042 -:- Km 19 + 00	35	35	35			35	
-	Sửa chữa mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT Tỉnh lộ 1 các đoạn Km 0+00-:- Km2+00	300	300	300			300	
-	Sửa chữa móng, mặt đường, gia cố lề đường, hệ thống thoát nước và ATGT Tỉnh lộ 4B đoạn Km12+912 -:- Km 16+00	9.900	9.900	9.900			9.900	
-	Sửa chữa móng, mặt đường, gia cố lề đường, hệ thống thoát nước và ATGT Tỉnh lộ 5 đoạn Km30+00 -:- Km33+00	300	300	300			300	
-	Sửa chữa móng, mặt đường, gia cố lề đường, hệ thống thoát nước và ATGT Tỉnh lộ 6 các đoạn Km18+500 -:- Km19+00, Km25+600 -:- Km26+400; Km38+500 -:- Km39+650; Km52+00 -:- Km56+00;	8.900	8.900	8.900			8.900	
-	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến Tỉnh lộ	4.500	4.500	4.500			4.500	
-	Sửa chữa móng, bổ sung hệ thống ATGT trên các tuyến Tỉnh lộ 1, Tỉnh lộ 4B, Tỉnh lộ 5, Tỉnh lộ 6	2.500	2.500	2.500			2.500	
-	Sửa chữa móng, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT Tỉnh lộ 4B đoạn Km7+00 -:- Km11+00	10.550	10.550	10.550			10.550	
-	Kiểm định xác định nguyên nhân sự cố Tỉnh lộ 1 đoạn Km25+100 -:- Km25+950	450	450	450			450	
-	Khắc phục hư hỏng sửa chữa Tỉnh lộ 4B	5.000	5.000	5.000		241	4.759	
3	Sự nghiệp Đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)	40	40	26	14		40	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-					-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	40	40	26	14		40	
-	Kinh phí đào tạo cán bộ công chức, viên chức theo định mức	40	40	26	14		40	
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	-		1046688	1132188			
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	-		3061	3061			

Sở Giao thông Vận tải Đắk Nông
Chương: 421

Mẫu biểu số 49

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ
PHÂN BỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGTVT, ngày /11/2024 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh giảm dự toán tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị Quyết 119/NQ-CP ngày 06/8/2024	Trong đó: Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
			Sở GTVT	Thanh tra Sở
A	B	2	3	4
B	DỰ TOÁN CHI	343.000.000	311.000.000	32.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	343.000.000	311.000.000	32.000.000
1	Quản lý hành chính (Loại 340- Khoản 341)	46.000.000	32.000.000	14.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	46.000.000	32.000.000	14.000.000
-	Quỹ lương và chi khác theo quy định	46.000.000	32.000.000	14.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Sự nghiệp Kinh tế (Loại 280 - Khoản 338)	297.000.000	279.000.000	18.000.000
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ			
2.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	297.000.000	279.000.000	18.000.000
2.2.1	<i>Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo TT ATGT</i>	<i>56.000.000</i>	<i>38.000.000</i>	<i>18.000.000</i>
-	Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm TT ATGT(tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn nhiệm vụ, nghiệp vụ về công tác bảo đảm TT ATGT; kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm TT ATGT; chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo TT ATGT; chi xăng dầu;...	18.000.000		18.000.000
-	Chi xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường bộ đang khai thác, đảm bảo không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác (làm pano, bảng hiệu, bảng điểm cảnh báo nguy hiểm, rào chắn và các chi phí có liên quan).	38.000.000	38.000.000	
2.2.2	<i>Thực hiện công tác quản lý, bảo trì sửa chữa các tuyến Tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông</i>	<i>241.000.000</i>	<i>241.000.000</i>	<i>-</i>
-	Khắc phục hư hỏng sửa chữa Tỉnh lộ 4B	241.000.000	241.000.000	
3	Sự nghiệp Đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1046688	1132188
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		3061	3061

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính

Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Nông
Chương: 421

Mẫu biểu số 49

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số : /QĐ-SGTVT ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Giao thông Vận tải Đắk Nông)

Đơn vị: Sở Giao thông Vận tải

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh giảm dự toán chi (tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị Quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024)
A	B	
B	DỰ TOÁN CHI	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	311.000.000
1	Quản lý hành chính (Loại 340- Khoản 341)	32.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	32.000.000
-	Quỹ lương và chi khác theo quy định	32.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
2	Sự nghiệp Kinh tế (Loại 280 - Khoản 338)	279.000.000
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	279.000.000
2.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	279.000.000
2.2.1	Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo TT ATGT	38.000.000
-	Chi xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường bộ đang khai thác, đảm bảo không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác (làm pano, bảng hiệu, bảng điểm cảnh báo nguy hiểm, rào chắn và các chi phí có liên quan).	38.000.000
2.2.2	Thực hiện công tác quản lý, bảo trì sửa chữa các tuyến Tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	241.000.000
-	Khắc phục hư hỏng sửa chữa Tỉnh lộ 4B	241.000.000
3	Sự nghiệp Đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1046688
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	3061

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính

Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Nông Chương: 421

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số : /QĐ-SGTVT ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Giao thông Vận tải Đắk Nông)

Đơn vị: Thanh tra Sở Giao thông Vận tải

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh giảm dự toán chi (tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị Quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024)
A	B	
A	DỰ TOÁN THU	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Thu sự nghiệp	
III	Thu khác	
B	DỰ TOÁN CHI	
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	32.000.000
1	Quản lý hành chính (Loại 340- Khoản 341)	32.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.000.000
-	Quỹ lương và chi khác theo quy định	14.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.000.000
2	Sự nghiệp Kinh tế (Loại 280 - Khoản 338)	18.000.000
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-
2.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	18.000.000
2.2.1	Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo TT ATGT	18.000.000

-	Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm TT ATGT(tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn nhiệm vụ, nghiệp vụ về công tác bảo đảm TT ATGT; kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm TT ATGT; chi khen thưởng cho tập thể , cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo TT ATGT; chi xăng dầu;...	18.000.000
3	Sự nghiệp Đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
-	Kinh phí đào tạo cán bộ công chức, viên chức theo định mức	
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1132188
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	3061